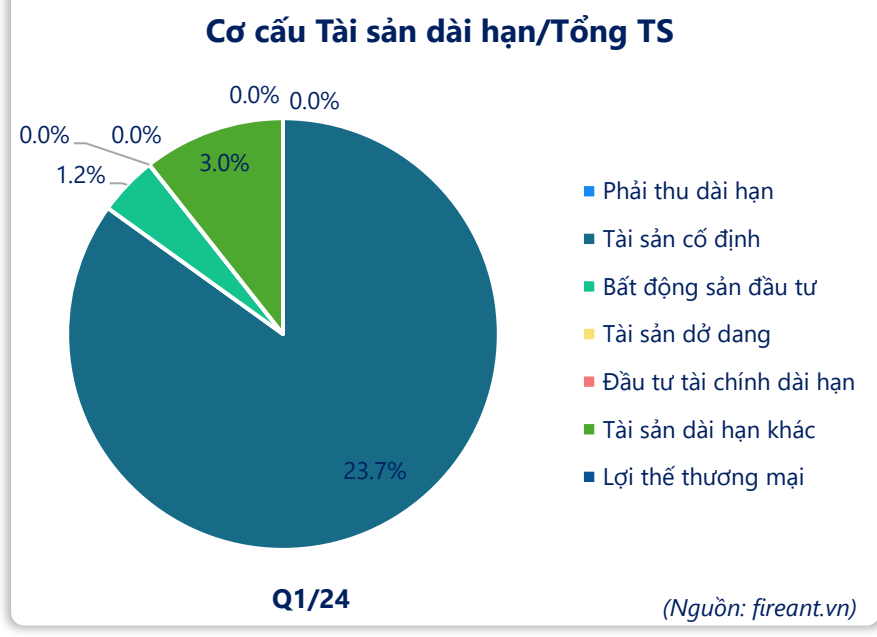
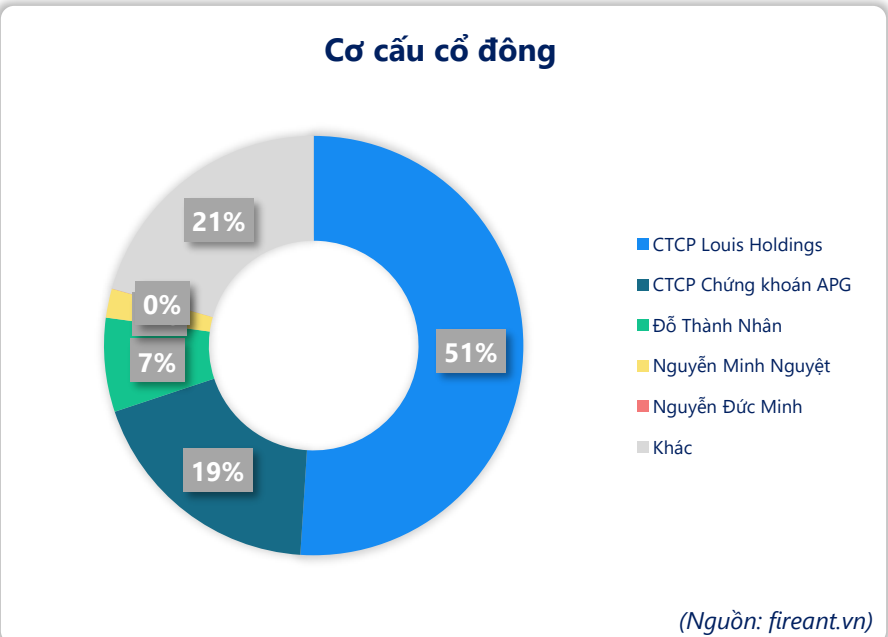
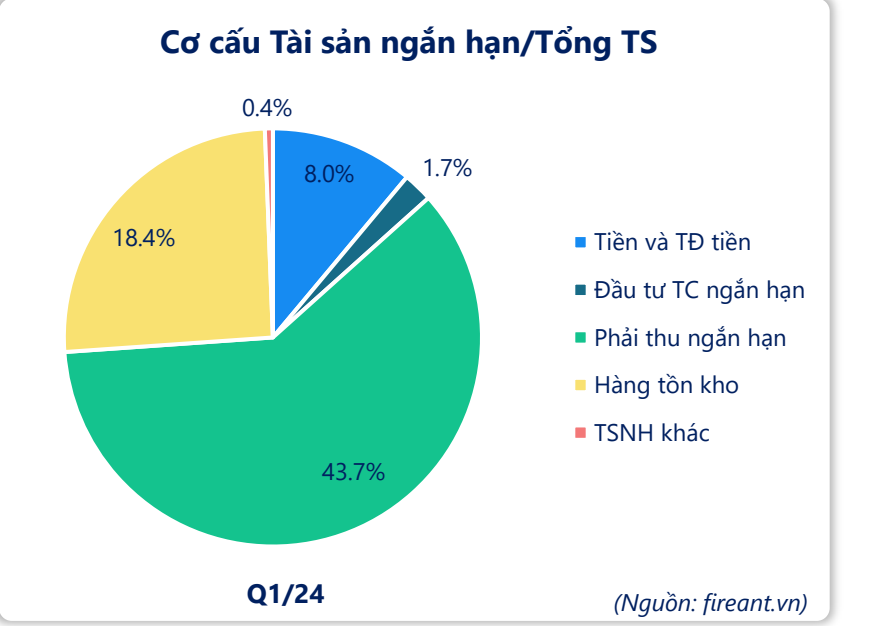
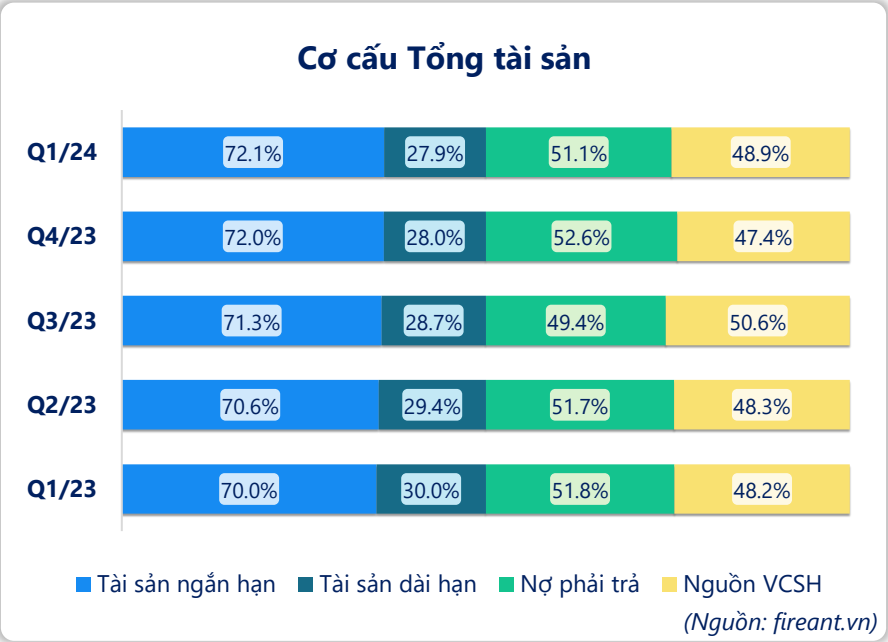
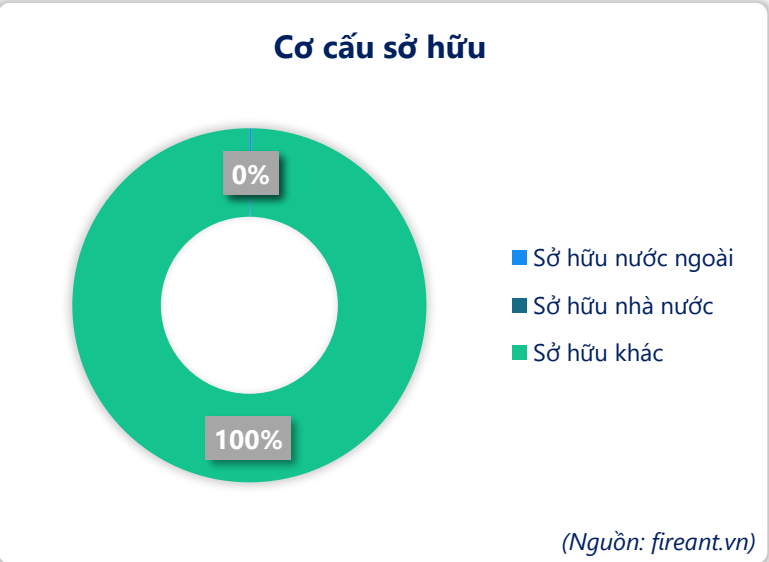
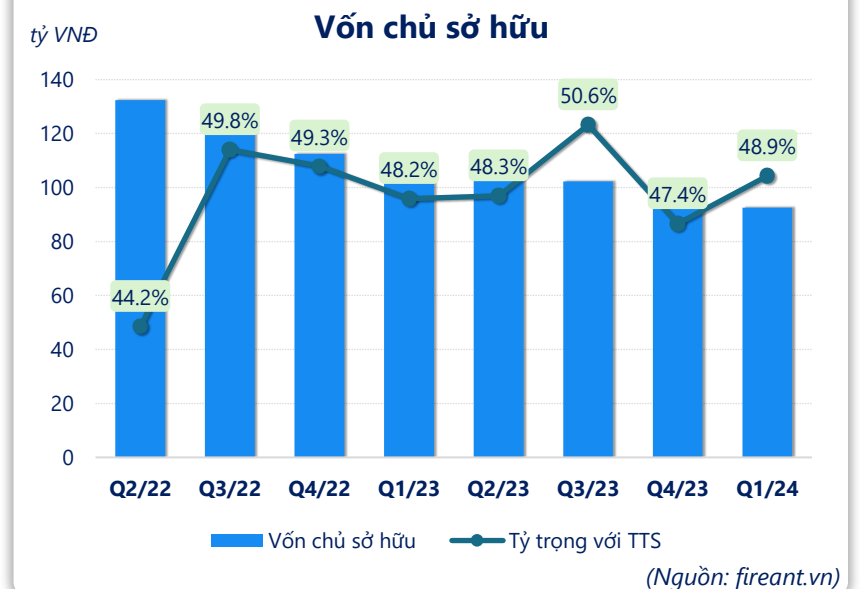
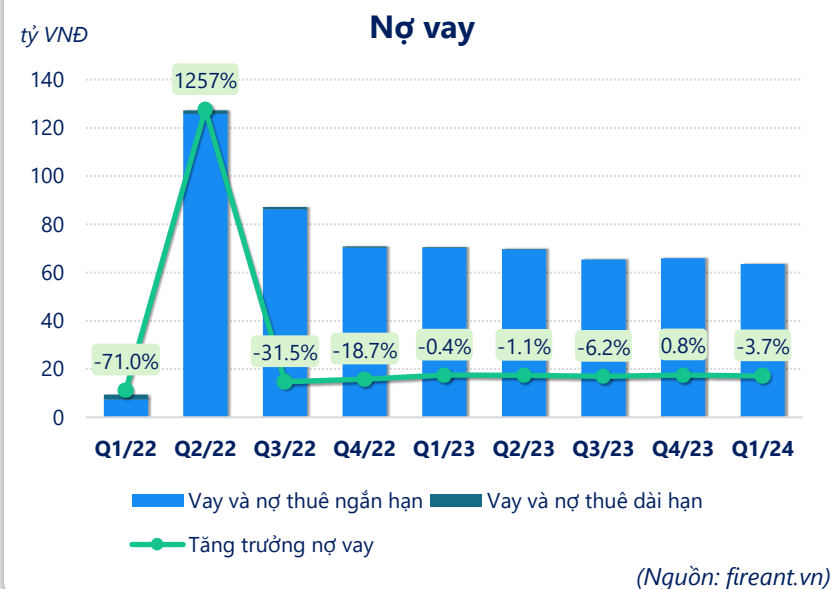
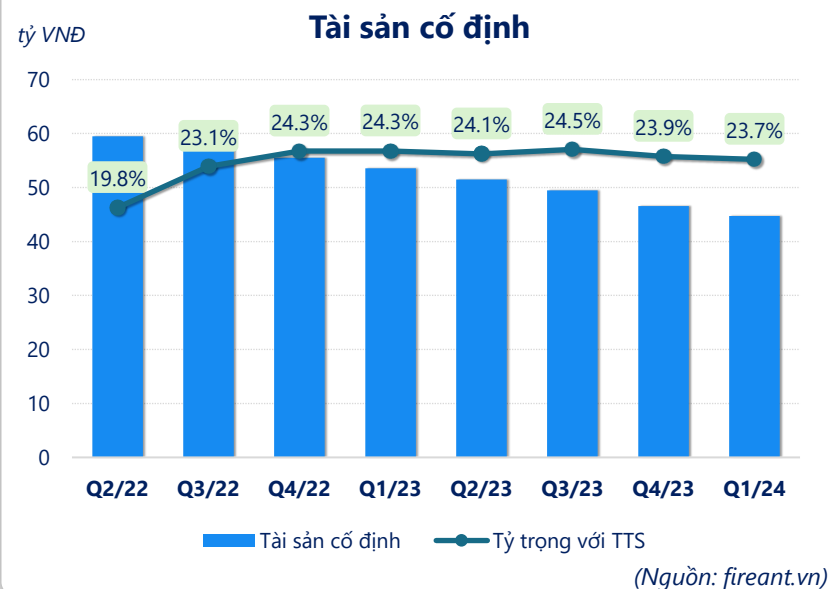
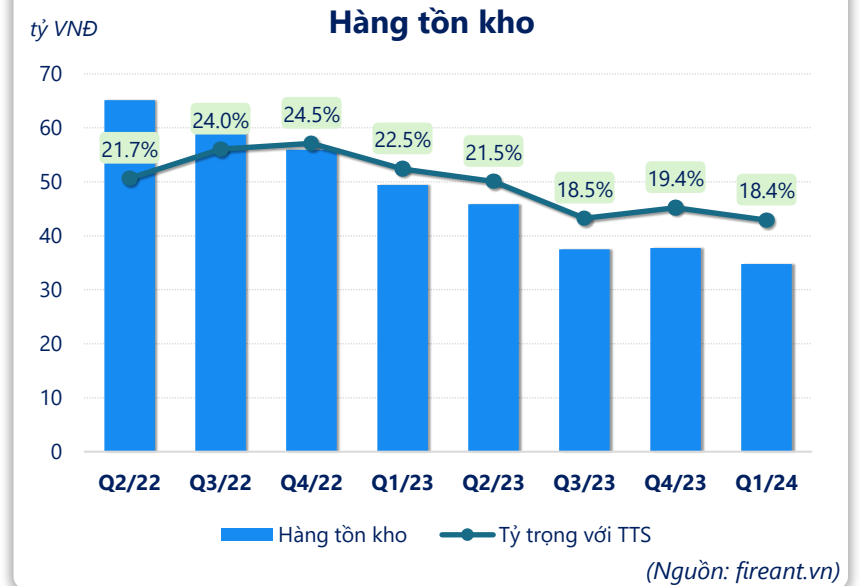
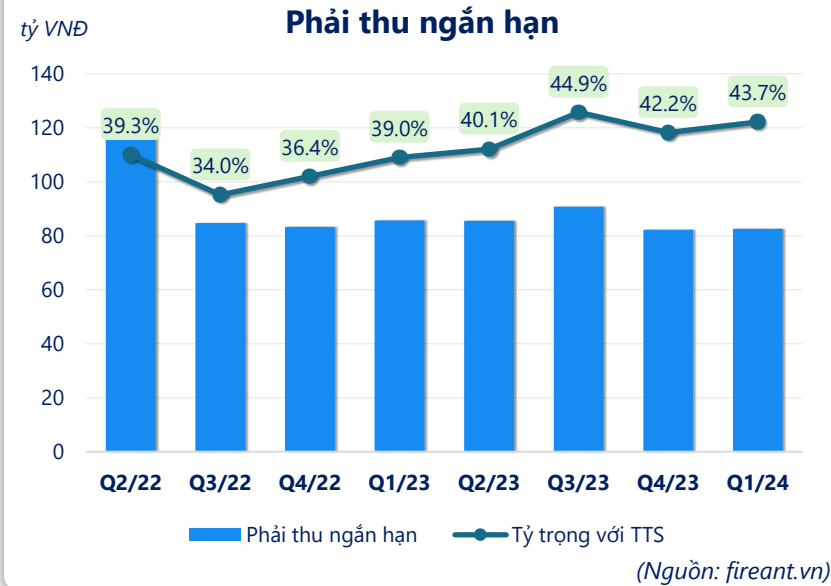
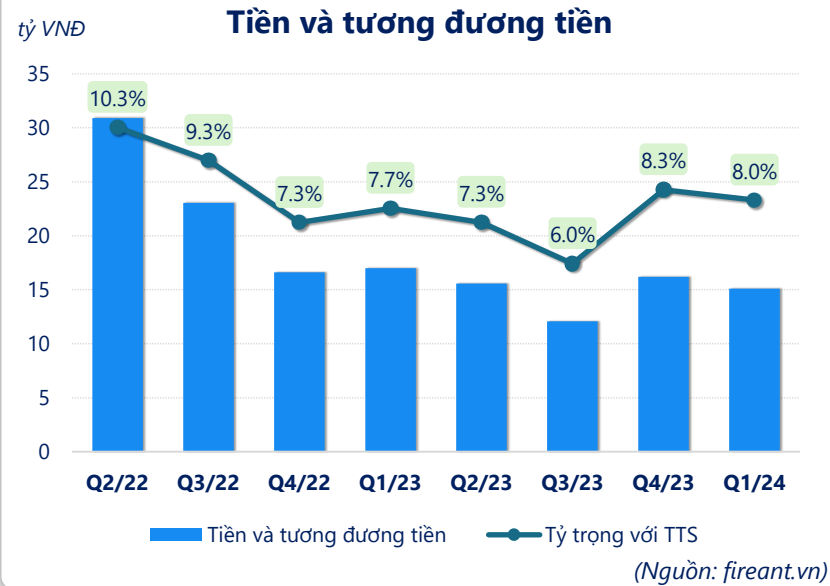
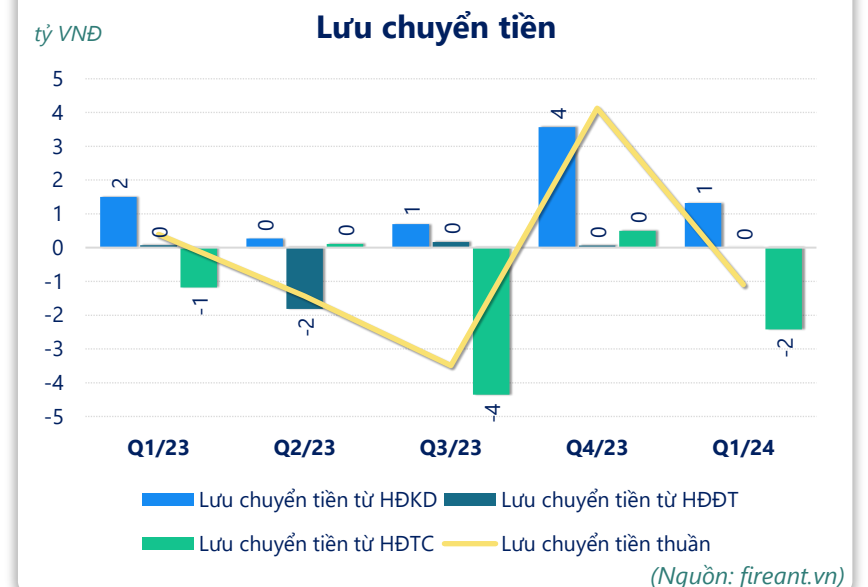
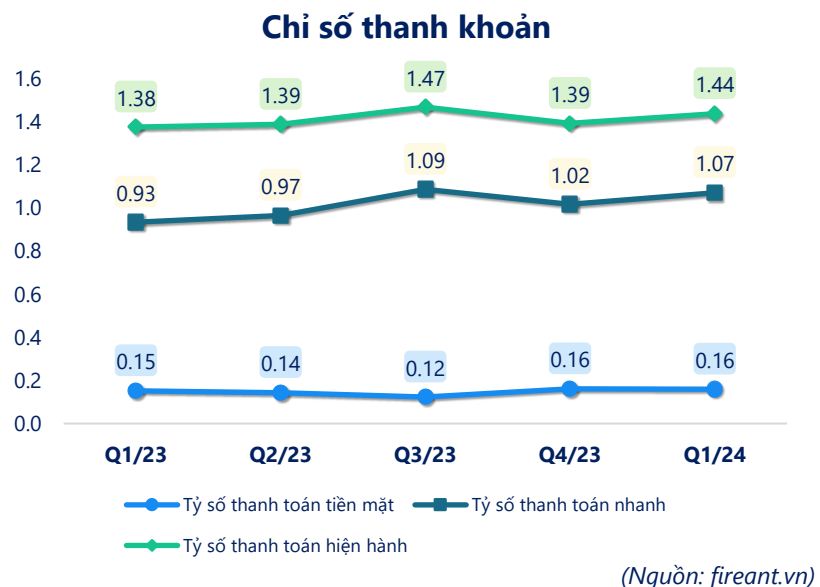
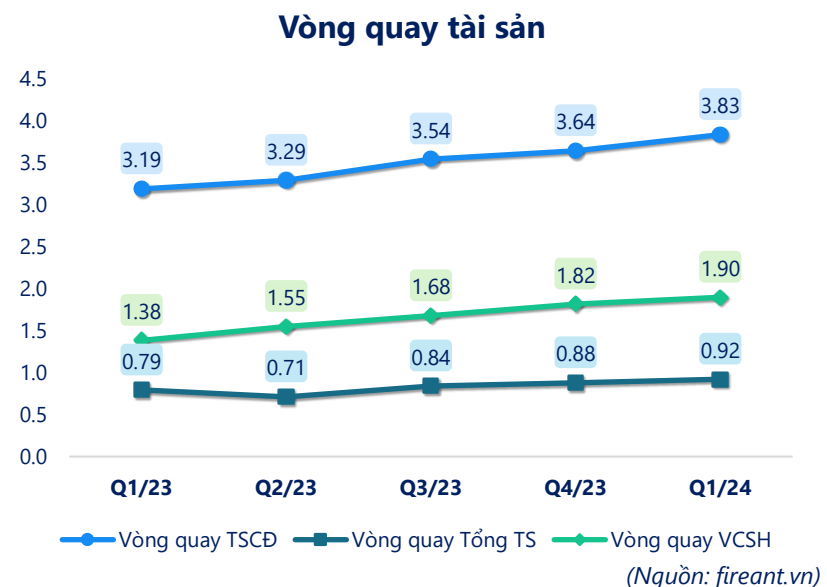
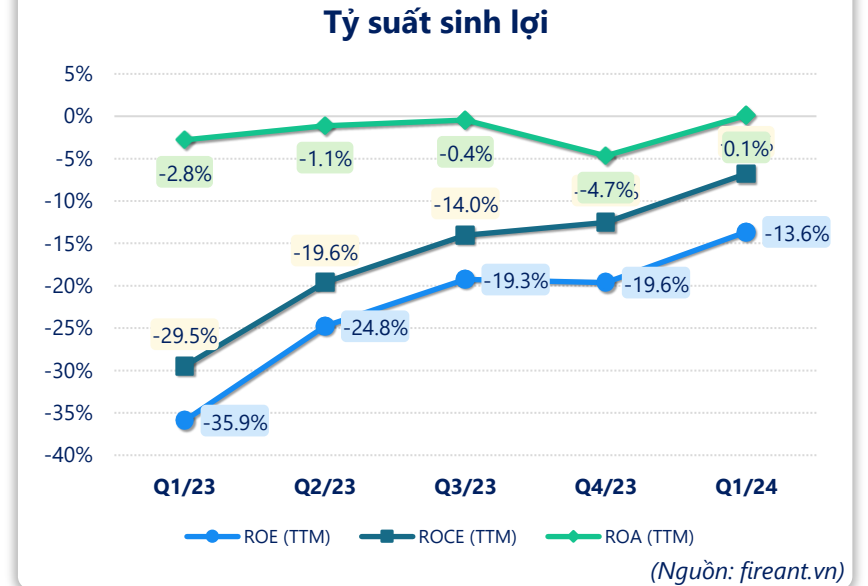
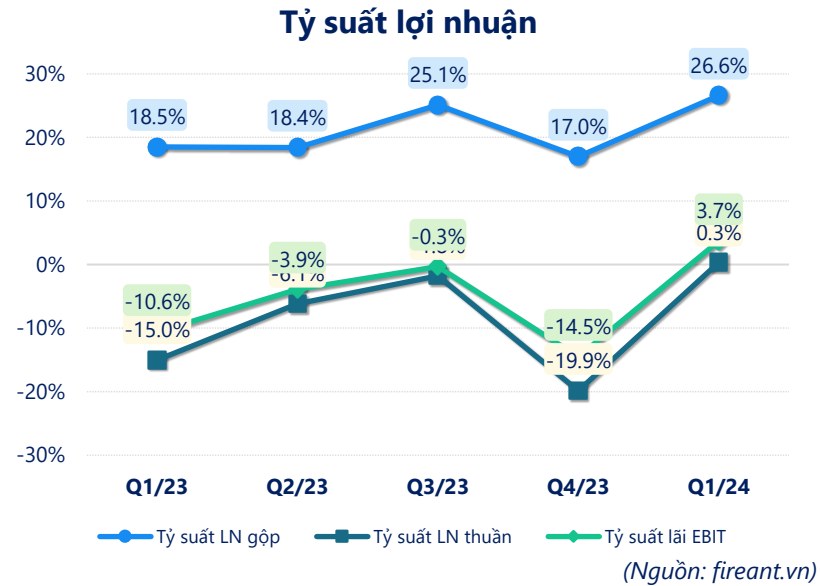
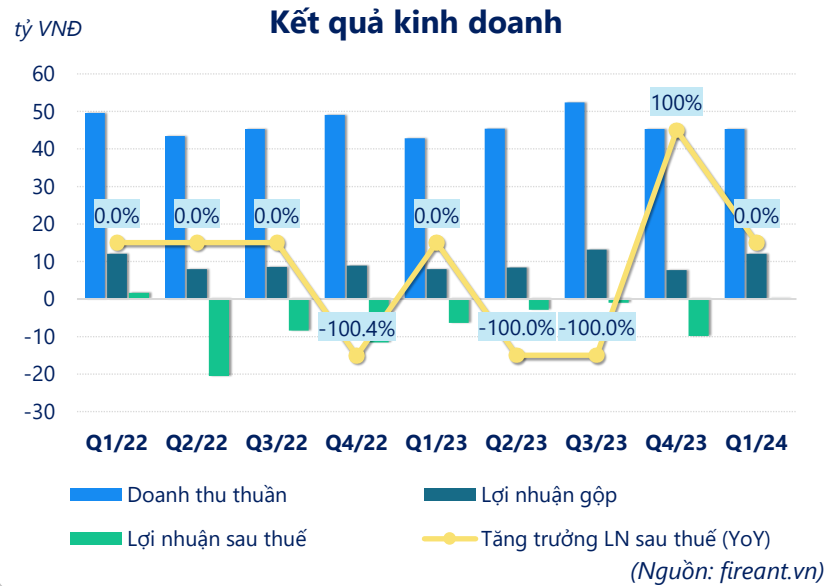


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		18,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,600
SL cổ phiếu LH		12,703,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)		35,690
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		230
P/E		-17.0
EPS		-1,067

	YTD	1T	3T	6T
LDP	24.0%	41.4%	15.3%	41.4%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	189	195	-2.9%
Tài sản ngắn hạn	136	140	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	15.1	16.2	-6.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.12	3.12	0.0%
Phải thu ngắn hạn	82.5	82.2	0.4%
Hàng tồn kho	34.8	37.8	-7.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.84	0.67	26.0%
Tài sản dài hạn	52.7	54.8	-3.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	44.8	46.6	-3.9%
Bất động sản đầu tư	2.34	2.37	-1.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.60	5.85	-4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	96.5	102	-5.7%
Nợ ngắn hạn	94.8	101	-5.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.5	66.0	-3.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.5	23.5	-17.3%
Nợ dài hạn	1.72	1.72	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	92.5	92.4	0.2%
Vốn chủ sở hữu	92.5	92.4	0.2%
Vốn điều lệ	127	127	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	42.8	45.4	52.4	45.3	45.3
Giá vốn hàng bán	34.9	37.1	39.2	37.6	33.3
Lợi nhuận gộp	7.94	8.35	13.2	7.70	12.1
Doanh thu HĐTC	0.15	0.44	0.17	0.09	0.13
Chi phí TC	2.60	0.95	0.82	3.29	1.49
Chi phí lãi vay	1.83	1.09	0.82	3.29	1.49
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.52	6.59	8.97	6.87	6.75
Chi phí QLDN	4.40	4.03	4.49	6.64	3.78
LN thuần từ HĐKD	-6.44	-2.79	-0.93	-9.00	0.15
Lợi nhuận khác	0.06	-0.08	-0.06	-0.86	0.03
LN trước thuế	-6.37	-2.87	-0.99	-9.86	0.18
Lợi nhuận sau thuế	-6.37	-2.87	-0.99	-9.86	0.18
LNST của CĐ cty mẹ	-6.37	-2.87	-0.99	-9.86	0.18

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.50	0.27	0.70	3.57	1.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.07	-1.81	0.16	0.06	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.18	0.11	-4.36	0.50	-2.42
Tiền đầu kỳ	16.6	17.0	17.6	14.1	16.2
Lưu chuyển tiền thuần	0.39	-1.44	-3.49	4.13	-1.10
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.0	15.6	14.1	18.2	15.1

(Nguồn: fireant.vn)